

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

----- ~ ~ UTMTM -----

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ
TẠI TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

Chuyên ngành: Kế toán, Tài vụ và Phân tích hoạt động kinh tế

T Ó M T Á T L U Ậ N V Ậ N T H Ạ C S Ĩ

HÀ NỘI - 2008

PHẦN MỞ ĐẦU

KTNB là công việc thường xuyên của DN, do DN tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo độ tin cậy của các số liệu kế toán và các thông tin trong BCTC của DN, phục vụ chủ yếu cho DN; nó là một công cụ quản lý hữu hiệu, giúp phát hiện và cải tiến những điểm yếu trong hệ thống quản lý của DN. Thông qua công cụ này, ban lãnh đạo DN có thể kiểm soát hoạt động, quản lý rủi ro tốt hơn và tăng khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh của DN.

Tại các nước phát triển, KTNB đã ra đời từ khá lâu và ngày càng khẳng định được vai trò không thể thiếu của mình trong DN. Tuy nhiên, KTNB vẫn chưa được nhiều nhà quản lý DN VN chú trọng đúng mức. Để hoạt động có hiệu quả hơn các DN VN cần phải chú trọng hơn nữa đến việc thiết lập và đưa vào hoạt động bộ phận KTNB. Đối với TCT Khoáng sản – TKV cũng vậy, là một thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, quản lý nhiều công ty con với các loại hình đa dạng, phân bố rộng khắp trên cả nước, TCT cũng đã nhận thấy sự cần thiết của KTNB trong công tác quản lý và đã thành lập bộ phận KTNB. Tuy nhiên bộ phận KTNB của TCT có cơ cấu còn sơ sài và chưa được định hình rõ ràng, hoạt động trong phạm vi hẹp, chưa thể hiện được vai trò của mình. Nhận thấy vấn đề này đang khá bức xúc tại TCT Khoáng sản - TKV, tôi đã chọn Đề tài: “**Hoàn thiện tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV**” làm Luận văn thạc sỹ của mình.

Ngoài Phần mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

- *Chương 1:* Lý luận chung về tổ chức KTNB trong DN
- *Chương 2:* Thực trạng tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV
- *Chương 3:* Nguyên tắc và giải pháp hoàn thiện tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Lý luận chung về KTNB

1.1.1 Khái niệm KTNB

KTNB là một loại hình kiểm toán khi được phân chia theo tiêu chí bộ máy tổ chức. Có nhiều khái niệm khác nhau về KTNB. Nói chung, KTNB là hoạt động

kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát của DN; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong DN, thông qua đó đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo DN hoạt động an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật. Tất cả các hoạt động này được thực hiện bởi một bộ phận do chính DN tổ chức.

1.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của KTNB

Chức năng chủ yếu của KTNB bao gồm: Kiểm tra, xác nhận và đánh giá sự đầy đủ và hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức và chất lượng hoạt động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của KTNB: Kiểm tra, đánh giá tính phù hợp, hiệu năng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Kiểm tra, xác nhận chất lượng và độ tin cậy của các thông tin; Kiểm tra sự tuân thủ các chính sách, chế độ, các quy định, KH và thủ tục hiện hành; Kiểm tra các phương thức đảm bảo an toàn cho tài sản của DN; Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của các nguồn lực.

1.1.3 Đối tượng của KTNB

Hoạt động KTNB nhằm mục đích xác minh và bày tỏ ý kiến về tình hình tài chính kế toán và hiệu quả các hoạt động trong DN, do vậy đối tượng của KTNB là thực trạng tài chính cùng hiệu quả, hiệu năng của các nghiệp vụ, hay các dự án cụ thể trong DN. Trong đó, thực trạng hoạt động tài chính được coi là đối tượng chung của KTNB, còn tài liệu kế toán, thực trạng tài sản và nghiệp vụ tài chính, hiệu quả và hiệu năng là các đối tượng cụ thể của KTNB.

1.1.4 Phân loại KTNB

Theo nhiều tiêu thức khác nhau, sẽ có nhiều loại hình KTNB khác nhau: Phân theo đối tượng cụ thể, kiểm toán nói chung, KTNB nói riêng được phân thành: kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán nghiệp vụ và kiểm toán liên kết; Theo phạm vi kiểm toán: kiểm toán toàn diện và kiểm toán chuyên đề; Theo tính chu kỳ của kiểm toán: kiểm toán thường xuyên, kiểm toán định kỳ và kiểm toán bất thường; Theo quan hệ về thời điểm kiểm toán với thời điểm thực hiện nghiệp vụ: kiểm toán kiểm toán phòng ngừa và kiểm toán sau hoạt động...

1.1.5 Ứng dụng phương pháp kiểm toán trong KTNB

Cũng như kiểm toán nói chung, KTNB sử dụng các phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ trong quá trình thực hiện KTNB.

Phương pháp kiểm toán chứng từ: Phương pháp này được thiết kế và sử dụng nhằm mục đích sử dụng các dữ liệu do hệ thống kế toán xử lý và cung cấp. Mọi kiểm tra, đánh giá đều được thực hiện dựa vào các số liệu, các thông tin trong báo cáo tài chính và hệ thống kế toán của DN. Theo phương pháp này, KTV nội bộ sử dụng các phương pháp cân đối, đối chiếu trực tiếp và đối chiếu logic.

Phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ: Phương pháp này được sử dụng khi KTV không thu thập được đầy đủ lượng thông tin cần thiết, đáng tin cậy về nội dung kiểm toán trong các chứng từ, sổ sách, dữ liệu do hệ thống kế toán cung cấp. Phương pháp này bao gồm: kiểm kê, thực nghiệm và điều tra.

1.2 Tổ chức KTNB

1.2.1 Quy trình KTNB

Mỗi loại hình kiểm toán khác nhau có nội dung kiểm toán cụ thể khác nhau, nhưng đều tuân theo một quy trình KTNB chung bao gồm bốn bước: Lập KH KTNB, thực hành KTNB, kết thúc KTNB và theo dõi thực hiện sau KTNB.

Lập KH KTNB: là bước công việc đầu tiên của tổ chức công tác KTNB nhằm tạo ra tất cả tiền đề và điều kiện cụ thể trước khi thực hành KTNB. Đây là công việc có ý nghĩa quyết định chất lượng KTNB. Lập KH KTNB gồm các bước sau: Lập KH KTNB năm, thu thập thông tin về bộ phận được KTNB, lập KH chi tiết cho từng cuộc KTNB và thiết kế chương trình KTNB.

Thực hành KTNB: Thực hành KTNB là quá trình thực hiện đồng bộ các công việc đã được ấn định trong KH, chương trình KTNB. Trong giai đoạn này, các KTV nội bộ áp dụng các phương pháp kiểm toán để thu thập, đánh giá các bằng chứng KTNB theo KH và chương trình đã lập. Sau đó, KTV nội bộ tập hợp, chọn lọc, phân loại các bằng chứng KTNB gốc, đánh giá, phân tích, nhận định những vấn đề thuộc nội dung KTNB để chuẩn bị cho công việc lập biên bản KTNB.

Kết thúc KTNB: Để kết thúc KTNB, các KTV nội bộ tổng hợp các thông tin đã thu thập được để đi đến một kết luận chung, từ đó làm cơ sở lập báo cáo KTNB.

Sau khi kết thúc cuộc KTNB, KTV nội bộ lập dự thảo báo cáo KTNB để làm việc trong nhóm, trao đổi và thống nhất nội dung với lãnh đạo của bộ phận được KTNB, sau đó mới lập báo cáo KTNB chính thức. Báo cáo KTNB sau khi lập xong được thông qua ban lãnh đạo DN và các bên liên quan, và lưu trữ trong hồ sơ KTNB.

Theo dõi thực hiện kiến nghị sau KTNB: Theo dõi thực hiện kiến nghị sau KTNB là công việc tiếp theo sau khi kết thúc cuộc KTNB để đảm bảo rằng các kiến nghị được thực hiện sau KTNB.

1.2.2 Tổ chức bộ máy KTNB

1.2.2.1 Mô hình tổ chức bộ máy KTNB

Bộ máy KTNB là hệ thống tổ chức của các KTV do DN tự lập ra theo yêu cầu quản trị nội bộ và thực hiện nền nếp, kỷ cương quản lý. Tùy theo điều kiện thực tế, mỗi DN sẽ lựa chọn một mô hình tổ chức bộ máy KTNB phù hợp, theo các mô hình sau: Mô hình tập trung; Mô hình phân tán; Mô hình hỗn hợp. Dù chọn mô hình nào, DN cũng phải đảm bảo cho bộ phận KTNB có một vị trí độc lập, hoạt động khách quan, chỉ chịu sự điều hành của lãnh đạo cao nhất trong DN.

Bộ phận KTNB có nhiệm vụ chủ yếu sau: Lập KH KTNB hàng năm và thực hiện các hoạt động KTNB theo KH, các chính sách, quy trình và thủ tục KTNB đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả kiểm toán; Thông báo kịp thời cho lãnh đạo DN biết những vấn đề có thể ảnh hưởng xấu tới hoạt động của DN và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này; Tuyển dụng, đào tạo và bố trí sử dụng có hiệu quả các KTV nội bộ, phát huy năng lực và trình độ của các KTV nội bộ phục vụ cho công việc đạt hiệu quả.

Quyền hạn và trách nhiệm của bộ phận KTNB trong DN: Được trang bị đầy đủ các nguồn lực cần thiết, chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo KH đã được phê duyệt; được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác KTNB; Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo DN về kết quả công việc KTNB, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo KTNB; theo dõi thực hiện các kiến nghị sau KTNB của các đơn vị, bộ phận trong DN.

1.2.2.2 Yêu cầu đối với người làm công tác KTNB

Chất lượng KTNB của DN chỉ có thể đảm bảo bởi những KTV nội bộ có trình độ, năng lực và tư cách đạo đức phù hợp với công việc. KTV nội bộ có trách nhiệm và quyền hạn sau: Thực hiện nhiệm vụ KTNB theo sự phân công của trưởng bộ phận KTNB, chịu trách nhiệm về chất lượng, tính trung thực và hợp lý của báo cáo KTNB trong phần việc mình thực hiện. Trong quá trình thực hiện KTNB, KTV nội bộ phải tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp về kiểm toán, các chính sách, chế độ của Nhà nước và tuân thủ các thủ tục, quy trình KTNB đã được lập; Có quyền yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm toán; Được nêu các ý kiến đánh giá, đề xuất kiến nghị giải pháp, các ý kiến tư vấn cho việc cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN. Trong công việc, KTV nội bộ cần phải thực hiện và duy trì các quy tắc đạo đức nghề nghiệp sau: Trung thực, khách quan, bảo mật và trách nhiệm

1.3 Kinh nghiệm tổ chức KTNB ở VN và trên thế giới

1.3.1 Lịch sử hình thành và phát triển KTNB

Tuy hoạt động kiểm toán đã xuất hiện từ rất lâu, song khái niệm KTNB thì ra đời muộn hơn rất nhiều vào những năm 1940, tại các nước có nền kinh tế thị trường phát triển như: Mỹ, Pháp sau đó sang các nước Châu Âu, Nhật Bản, Singapore... Ở VN, KTNB xuất hiện vào năm 1997, khi các TCT 90, 91 được hình thành, nhu cầu và điều kiện cần thiết cho việc thiết lập KTNB xuất hiện. VN cũng đã có một số văn bản hướng dẫn triển khai và tổ chức KTNB trong các DN nhà nước, và KTNB cũng đã phát huy được vai trò nhất định của mình. Hoạt động KTNB được hình thành do nhu cầu quản lý khách quan của DN và nó đã phát triển theo ba khía cạnh: KTNB như một tổ chức, KTNB như một chức năng và KTNB như một nghề nghiệp.

1.3.2 Kinh nghiệm tổ chức KTNB tại một số DN ở VN

Do TCT Khoáng sản – TKV là một TCT lớn có quy mô và hoạt động khá tương đồng với một số TCT VN khác, nên Luận văn có nghiên cứu và rút kinh nghiệm tổ chức KTNB qua thực tế tổ chức KTNB tại một số TCT lớn ở VN như TCT XNK xây dựng Vinaconex, TCT Sông Đà, TCT dầu khí VN.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV

2.1 Tổng quan về Tổng công ty Khoáng sản - TKV

TCT khoáng sản – TKV là một DNNN hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Tiền thân là TCT khoáng sản VN được thành lập theo QĐ số 1118/QĐ/TCCBĐT ngày 27 tháng 10 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Năm 2005, TCT khoáng sản VN trở thành thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản VN theo QĐ số: 345/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN. Cuối năm 2006, TCT khoáng sản VN được đổi tên thành TCT Khoáng sản – TKV theo QĐ số 2449/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN.

TCT Khoáng sản – TKV là một TCT NN được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của TCT do Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN phê duyệt, với nhiệm vụ kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại TCT và tại các DN TCT tham gia góp vốn; hoàn thành các nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao. Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của TCT, đại diện sở hữu nhà nước là HĐQT Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN; HĐQT TCT là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại TCT. Bộ máy tổ chức quản lý của TCT được tổ chức theo mô hình Trực tuyến – Chức năng khá gọn nhẹ, linh hoạt, có sự phân cấp rõ ràng để đảm bảo tính năng động, tự chủ và sáng tạo trong kinh doanh. Bộ máy quản lý bao gồm: HĐQT, Ban Kiểm soát, TGD, Các phó TGD, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc (các phòng ban). Hiện TCT có 24 đơn vị thành viên gồm các đơn vị trực thuộc, đơn vị có CP chi phối và đơn vị liên doanh liên kết với nhiều nhà máy, xí nghiệp, mỏ khai thác và chế biến khoáng sản phân bố rộng khắp trên toàn quốc.

2.1.4 Một số đặc điểm SXKD của TCT ảnh hưởng đến KTNB

2.1.4.1 Quy mô hoạt động của TCT

TCT Khoáng sản - TKV là một DN có quy mô hoạt động lớn, với nhiều đơn vị thành viên phân bố rộng trên cả nước, hoạt động quản lý của TCT không thể sâu

sát, nhanh chóng và kịp thời được. Sự quản lý của TCT chủ yếu dựa trên các báo cáo của các đơn vị gửi về, sự chính xác và nhanh chóng thì không thể kiểm soát được hoàn toàn. Điều này có ảnh hưởng lớn đến công tác KTNB của TCT.

2.1.4.2 Hoạt động thăm dò, khai thác và đầu tư chiếm tỷ trọng lớn

Khai thác và chế biến khoáng sản là hoạt động chính của TCT, chi phí cho công tác thăm dò, khai thác chiếm một khoản lớn trong các khoản chi phí của TCT và các đơn vị thành viên với quy mô và độ phức tạp khác nhau. Việc thực hiện và quyết toán vốn của các hoạt động này diễn ra thường xuyên liên tục với số tiền lên tới hàng trăm tỷ đồng. Khả năng xảy ra các sai sót dẫn đến thất thoát, lãng phí tiền đầu tư và chất lượng hoạt động đầu tư không được đảm bảo là rất cao. Do vậy, bộ phận KTNB phải có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục và chặt chẽ trong công tác này.

2.1.4.3 Các đơn vị thành viên có các loại hình sở hữu và tổ chức khác nhau

TCT Khoáng sản - TKV là sự tập hợp của nhiều DN khác nhau với các loại hình sở hữu và tổ chức khác nhau: công ty trực thuộc TCT, công ty TNHH NN 1TV, công ty CP chi phối trên 51%, công ty CP không chi phối và các công ty liên doanh liên kết. Với mỗi loại hình công ty khác nhau thì sự quản lý của TCT lại khác nhau. Việc đảm bảo sự quản lý đối với mỗi công ty thành viên được chặt chẽ và đúng trình tự quy định cũng là một vấn đề đặt ra với TCT và bộ phận KTNB TCT.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống kế toán- tài chính - thống kê

TCT khoáng sản – TKV có 24 đơn vị thành viên với các loại hình sở hữu khác nhau, TCT chỉ quản lý hoạt động của các đơn vị là công ty trực thuộc, công ty TNHH và công ty có CP chi phối được gọi chung là các công ty con. BCTC hợp nhất của TCT được tập hợp xây dựng trên cơ sở các Báo cáo của các công ty con, còn đối với các đơn vị liên doanh liên kết thì chỉ ghi nhận kết quả hoạt động theo tỷ lệ vốn góp. Để BCTC hợp nhất của TCT được đầy đủ, chính xác thì yêu cầu các BCTC của các công ty con phải đảm bảo đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, mỗi công ty con với các loại hình khác nhau thì lại tổ chức một hệ thống kế toán tài chính khác nhau phù hợp với mô hình, đặc điểm hoạt động SXKD và năng lực của từng đơn vị.

Nhìn chung, hệ thống kế toán tài chính của TCT còn nhiều bất cập, và là một thách thức lớn đối với KTNB TCT.

2.2 Thực trạng tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV

2.2.1 Sự hình thành và phát triển KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

Thực hiện chủ trương của Quyết định 832TC/QĐ-CDKT ngày 28/10/1997 của Bộ tài chính về việc Ban hành Quy chế KTNB, bộ phận KTNB của TCT khoáng sản đã hình thành nhưng chưa đi vào hoạt động thực sự cho đến tháng 5/2006, bộ phận KTNB được tách ra khỏi phòng Tài chính kế toán và là một bộ phận trong Phòng Thanh tra – Bảo vệ và KTNB. Sau khi trở thành một bộ phận hoạt động độc lập, KTNB TCT đã xây dựng Quy chế KTNB TCT được ban hành theo Quyết định số 435QĐ/HĐQT ngày 06 tháng 9 năm 2006 do chủ tịch HĐQT ký.

2.2.2 Tình hình thực hiện công tác KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

Theo Quy chế KTNB, công tác KTNB tại TCT bao gồm việc: Kiểm toán BCTC, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành. Bên cạnh đó, tổ KTNB còn kết hợp với với các phòng ban khác thực hiện các công việc khác. Trong quá trình thực hiện KTNB đã phát hiện ra những thiếu sót trong công tác đầu tư, trong công tác quản lý như: trình tự, thủ tục, công tác kế toán tập hợp chi phí, công tác lập dự toán ... và đã kiến nghị các biện pháp khắc phục và thống nhất được các điều chỉnh số liệu cần thiết.

2.2.3 Mô hình tổ chức bộ máy KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV

Bộ phận KTNB TCT hiện có 03 người, được tổ chức theo mô hình tập trung, trực tuyến - chức năng, tại các đơn vị thành viên của TCT chưa hình thành bộ phận KTNB. Các KTV nội bộ của TCT đều chỉ có chuyên môn chủ yếu trong lĩnh vực kế toán. Khi cần thiết, KTV trưởng đề nghị TGD TCT cử các cán bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ khác trong TCT hoặc thuê chuyên gia bên ngoài tham gia vào một số nội dung hoặc toàn bộ cuộc kiểm toán để giúp đỡ bộ phận KTNB trong các lĩnh vực riêng đó nhằm đảm bảo quy trình và chất lượng cuộc kiểm toán.

2.2.4 Thực trạng tổ chức công tác KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV

2.2.4.1 Phạm vi KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

Theo Quy chế KTNB, KTNB TCT thực hiện trong phạm vi: Kiểm toán BCTC, báo cáo kế toán quản trị DN, báo cáo quyết toán vốn ĐT XD/CB hoàn thành; Kiểm toán tuân thủ và Kiểm toán hoạt động. Trên thực tế do lực lượng mỏng nên KTNB TCT chỉ tiến hành: KTNB các BCTC năm kết hợp với kiểm toán tuân thủ: phối hợp với đoàn kiểm toán độc lập; Tham gia đoàn kiểm toán BCTC của đơn vị chuẩn bị CP hoá; Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn ĐT XD/CB những công trình, dự án có vốn ĐT vừa phải, độ phức tạp không cao; Kiểm toán một số phân hành kế toán trong các đơn vị theo yêu cầu của TGD, HĐQT hoặc do Tổ kiểm toán đề xuất.

2.2.4.2 Công tác lập KH KTNB năm tại TCT Khoáng sản - TKV

Bộ phận KTNB cũng đã chú trọng công tác lập KH KTNB nên có lập đầy đủ các KH kiểm toán năm, quý và tháng. Dựa vào các thông tin thu thập được, KTV trưởng xây dựng KH KTNB trong năm, trình TGD phê duyệt. Trong KH kiểm toán năm thường bao gồm các cuộc kiểm toán định kỳ (kiểm toán BCTC năm), kiểm toán chuyên đề được dự tính sẵn thời gian thực hiện và dành thời gian dự phòng cho các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của Ban giám đốc, HĐQT. KH KTNB thường bao gồm các nội dung sau: Mục đích, yêu cầu KTNB; Nội dung, phạm vi kiểm toán tại từng đơn vị được KTNB; Thời gian dự kiến tiến hành kiểm toán.

2.2.4.3 Công tác thực hành KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

Đối với công tác Kiểm toán BCTC năm: Công tác KTNB BCTC năm của TCT hiện mới chỉ giới hạn trong Văn phòng TCT và các đơn vị mà TCT nắm quyền chi phối. Trong thời gian qua, KTNB TCT chưa tự thực hiện một cuộc kiểm toán BCTC nào mà đều tiến hành kết hợp với kiểm toán độc lập do các đơn vị thành viên mời. Đối với những đơn vị được đánh giá không có dấu hiệu bất thường thì KTV nội bộ không trực tiếp tham gia vào việc kiểm toán mà chỉ theo dõi hoạt động của các KTV độc lập. Đối với những đơn vị bị đánh giá có dấu hiệu thay đổi bất thường thì KTV nội bộ sẽ lưu ý KTV độc lập kiểm tra kỹ hơn những phần đó. Trong quá trình thực hành kiểm toán, các KTV độc lập thấy có vấn đề gì thì thông báo cho KTV nội bộ biết và cùng làm việc với người được đơn vị phân công phục vụ đoàn kiểm toán để tìm ra nguyên nhân sai phạm và thống nhất hướng giải quyết. Kết thúc cuộc kiểm toán, KTV nội bộ cùng đại diện đơn vị được kiểm toán và kiểm toán độc

lập thống nhất lại các vấn đề, nội dung và những đánh giá, kiến nghị về BCTC của đơn vị được kiểm toán. Sau đó KTV nội bộ báo cáo lại tình hình với tổ trưởng tổ KTNB. Tình hình sẽ được báo cáo lại cho TGD TCT trong bản báo cáo chung trong tháng, quý của Tổ KTNB TCT.

Đối với công tác kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB: Hoạt động đầu tư XDCB là một trong những công tác thường xuyên và trọng yếu của TCT cũng như trong các đơn vị thành viên. Công tác KTNB báo cáo Quyết toán vốn ĐT XDCB có vai trò rất quan trọng, nó vừa đảm bảo việc hoàn thành công tác hoàn thiện hồ sơ hoàn công, quyết toán vốn đầu tư, vừa đảm bảo công tác kiểm tra giám sát, việc tuân thủ và phản ánh đầy đủ, chính xác trung thực của công tác đầu tư, thực hiện và quyết toán vốn, và chỉ được thực hiện tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và công ty TNHH một thành viên; đối với các đơn vị khác việc KTNB phải có ý kiến hoặc sự chấp thuận của chủ tịch HĐQT đơn vị đó. Do ít người và không chuyên về lĩnh vực đầu tư XDCB nên KTNB TCT thường chọn những công trình có quy mô vốn vừa phải, mức độ phức tạp không. Mỗi khi thực hiện, tổ KTNB đề nghị TGD điều động cán bộ chuyên viên XDCB của Phòng đầu tư và phát triển cùng phối hợp thực hiện; hoặc trong những trường hợp đặc biệt có thể đề xuất thuê kiểm toán độc lập cùng phối hợp thực hiện. Quy trình thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn ĐT XDCB được thực hiện khá bài bản theo quy định chung. Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, tổ KTNB không lập Báo cáo KTNB mà chỉ lập các Biên bản kiểm toán. Trong các Biên bản kiểm toán cũng có đầy đủ các nội dung như một báo cáo Kiểm toán, bao gồm: đối tượng, nội dung kiểm toán, thời gian kiểm toán, căn cứ và phạm vi kiểm toán, các số liệu kiểm toán và các kết luận, kiến nghị. Sau đó Biên bản kiểm toán sẽ được trình TGD.

2.2.4.4 Công tác theo dõi sau KTNB

Theo dõi sau KTNB là một công việc cần thiết và quan trọng để đảm bảo các đơn vị được KTNB đã chấp hành thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của KTNB, để công tác KTNB đem lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, do khối lượng công việc nhiều và mới đi vào hoạt động chính thức chưa lâu nên sau khi hoàn thành báo cáo

kiểm toán, bộ phận KTNB chưa sắp xếp được thời gian cũng như chưa xây dựng chương trình để kiểm tra việc chấp hành các kiến nghị sau kiểm toán.

2.3 Đánh giá tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV

2.3.1 Những kết quả đạt được

Tuy mới đi vào hoạt động, song ở một số khía cạnh thì bộ phận KTNB của TCT đã thể hiện được vị trí của mình và khẳng định vai trò của KTNB trong TCT. Bộ phận kiểm toán đã xây dựng được Quy chế hoạt động, trong đó đã xác định được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Qua các cuộc kiểm toán, KTNB TCT đã phát hiện ra những sai sót, vi phạm và những mặt chưa hoàn thiện của các đơn vị, và đã đưa ra các kiến nghị để chấn chỉnh về việc tập hợp các chứng từ sổ sách, sự đầy đủ và chính xác của các chứng từ, cách ghi sổ, phản ánh số liệu kế toán của các đơn vị được kiểm tra, từ đó rút kinh nghiệm chung trong công tác kế toán, bước đầu tạo nên những cái nhìn mới mẻ và có ý thức về KTNB của Ban giám đốc, HĐQT và các đơn vị thành viên, đã góp phần làm trong sạch hơn các hoạt động tài chính kế toán, đầu tư XDCB trong các đơn vị được kiểm toán.

2.3.2 Những hạn chế còn tồn tại

2.3.2.1 Vị trí, tổ chức của Tổ KTNB TCT vẫn còn mờ nhạt

Tuy đã được thành lập và đi vào hoạt động, song có thể thấy vị trí của bộ phận KTNB TCT Khoáng sản - TKV vẫn còn yếu, chưa thực sự được coi trọng, khối lượng công việc KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV là rất lớn, song bộ phận KTNB đến giờ vẫn chỉ có 03 người tại văn phòng TCT còn tại các đơn vị thành viên chưa có bộ phận KTNB, mà trình độ, khả năng và kinh nghiệm của các KTV này lại có sự chênh lệch nên không thể hoạt động được nhiều và đạt hiệu quả cao được.

2.3.2.2 Chưa xây dựng được quy trình KTNB chuyên nghiệp

KTNB TCT chưa lập được chương trình hoạt động chuyên nghiệp, quy trình kiểm toán chưa hoàn thiện từ khâu lập KH, thực hiện và theo dõi sau KTNB: *Việc lập KH kiểm toán* còn mang tính mơ hồ, chưa có căn cứ cụ thể, thời gian dự tính để kiểm toán không có tính tự chủ, hoặc được lập không chính xác làm cho thời gian hoàn thành KH cũng thay đổi theo. *Trong thực hiện kiểm toán*: KTV chưa thiết kế được bộ hồ sơ kiểm toán chi tiết cho tất cả các phần hành nên thực hiện ở các KTV

không thống nhất, nội dung kiểm toán còn đơn giản, mang tính khuôn mẫu, chưa sáng tạo linh hoạt nên chất lượng kiểm toán không cao. Khi tiến hành kiểm toán chỉ kiểm tra số liệu trên sổ sách, báo cáo mà chưa thực hiện xác minh thực tế, chưa có sự phân công công việc và trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đến từng thành viên. KTNB TCT chưa thực hiện hoạt động kiểm toán tính hiệu quả, hiệu năng. *Việc lập báo cáo KTNB* cho thấy sự không chuyên nghiệp của KTNB TCT: khi kết hợp với kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của các đơn vị thì KTV không lập hồ sơ và báo cáo kiểm toán mà chỉ đưa kết quả kiểm toán chung vào nội dung báo cáo chung trong tháng, quý, năm. Còn đối với việc kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành thì không lập báo cáo kiểm toán mà chỉ lập Biên bản kiểm toán. Nội dung báo cáo kiểm toán còn sơ sài, phần giải thích số liệu đơn giản, chưa nêu rõ nguyên nhân dẫn đến sai phạm, kiến nghị chung chung.

2.3.2.3 Công tác lưu trữ hồ sơ kiểm toán cũng còn yếu

Lưu trữ hồ sơ KTNB là một khâu quan trọng nhưng chưa được thực hiện đầy đủ tại TCT Khoáng sản - TKV. Các bằng chứng kiểm toán không được thu thập đầy đủ, việc sắp xếp phân loại các hồ sơ, các báo cáo kiểm toán cũng không khoa học.

2.4.2.4 Công tác theo dõi sau kiểm toán là một việc quan trọng để đảm bảo các kiến nghị trong báo cáo KTNB được các đơn vị thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, các sai phạm được xử lý và rút kinh nghiệm nhưng lại chưa được thực hiện tại TCT, một phần là do tổ KTNB ít người, khối lượng công việc nhiều, mới hoạt động nên chưa sắp xếp được thời gian hợp lý, một phần có thể là do tổ kiểm toán cũng như các đơn vị được kiểm toán chưa coi trọng công tác này.

CHƯƠNG 3: NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC

KIỂM TOÁN NỘI BỘ Ở TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT Khoáng sản - TKV

Hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT Khoáng sản – TKV là một sự cần thiết khách quan và cũng đáp ứng nhu cầu nội tại của bản thân TCT: xây dựng tổ chức KTNB là bảo đảm yêu cầu của Nhà nước; KTNB là công cụ quản lý hữu hiệu của DN, nó là một phần trong hệ thống kiểm soát nội bộ của DN, thông qua các thông tin do KTNB đem lại, ban giám đốc và HĐQT có thể kiểm soát các hoạt động tốt

hơn, tăng khả năng đạt được các mục tiêu kinh doanh; và kinh tế VN đang hội nhập mạnh với kinh tế khu vực và thế giới, phát triển KTNB là phù hợp với xu thế chung.

3.2 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT Khoáng sản – TKV

Để hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT Khoáng sản - TKV cần tuân thủ các nguyên tắc sau: Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước; Đảm bảo vị trí độc lập của KTNB, quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ; Phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý cũng như khả năng và trình độ quản lý của DN; Đảm bảo tính hiệu quả; Phù hợp với xu thế phát triển chung.

3.3 Giải pháp hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT Khoáng sản – TKV

3.3.1 Khẳng định hơn nữa vị trí của bộ phận KTNB

Để bộ phận KTNB TCT thực sự hoạt động có hiệu quả, lãnh đạo TCT phải tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của bộ phận KTNB; thường xuyên quan tâm trợ giúp đầy đủ và đúng lúc tới các hoạt động của KTNB, đảm bảo các kết quả kiểm toán và kiến nghị của KTV nội bộ luôn được xem xét và thực hiện một cách thích đáng. Đồng thời, xem xét việc tăng cường nhân lực trong bộ phận KTNB, mở rộng tổ chức KTNB tại TCT và xây dựng bộ phận KTNB tại các đơn vị thành viên. Bản thân bộ phận KTNB cũng phải nỗ lực kết hợp với các bộ phận chức năng, các đơn vị khác trong TCT để quán triệt sự hiểu biết về KTNB và tự nguyện hợp tác với KTNB trong quá trình KTNB cũng như công tác thực hiện sau KTNB.

3.3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy KTNB TCT

Về mô hình tổ chức: Do hoạt động SXKD tại TCT và các đơn vị thành viên khá đa dạng về loại hình DN, lĩnh vực SXKD và phân bố rộng khắp trên toàn quốc. Nếu tổ chức KTNB theo mô hình tập trung sẽ đảm bảo được tính khách quan trong công tác KTNB nhưng lại khó nắm sát thực tế, việc kiểm toán sẽ không thực hiện được thường xuyên và triệt để. Còn nếu tổ chức theo mô hình phân tán, các đơn vị thành viên tự tổ chức KTNB hoạt động lại không đảm bảo tính khách quan. Do vậy, trong điều kiện của TCT Khoáng sản, phù hợp nhất là tổ chức KTNB theo mô hình hỗn hợp vừa tập trung, vừa phân tán. Mô hình này đảm bảo việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về các hoạt động trong các đơn vị để Ban lãnh đạo, TGD có thể đưa ra những quyết sách phù hợp.

Về nhân sự : Bộ phận KTNB sẽ chỉ hoạt động hiệu quả nếu chất lượng của KTV nội bộ được đảm bảo. Để nâng cao chất lượng KTV nội bộ thì TCT cần phải có KH tuyển dụng, cử các KTV nội bộ tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tại các trung tâm, trường đào tạo có kinh nghiệm trong công tác đào tạo kiểm toán hoặc mời các chuyên gia, những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán đến giảng dạy, nói chuyện chuyên môn. Qua đó sẽ nâng cao được hiểu biết, kinh nghiệm và kỹ năng của các KTV nội bộ TCT. Đồng thời bản thân mỗi KTV nội bộ phải luôn tự nghiên cứu, học hỏi và tích lũy kinh nghiệm thực tế.

3.3.3 Giải pháp hoàn thiện công tác KTNB tại TCT Khoáng sản - TKV

3.3.3.1 Mở rộng mục tiêu, phạm vi và phương pháp KTNB

Hiện nay, KTNB TCT mới chỉ thực hiện KTNB trong phạm vi rất nhỏ hẹp, trong khi TCT Khoáng sản – TKV có hoạt động rộng và phức tạp nên có nhiều hoạt động SXKD cần phải thường xuyên được kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả. Khi đã tổ chức lại bộ máy KTNB thì cần phải mở rộng phạm vi, mục tiêu KTNB, trong đó tăng cường nội dung kiểm toán hiệu quả hiệu năng. Có như vậy công tác KTNB mới bao quát được các hoạt động trong TCT và có các tư vấn hữu ích cho lãnh đạo TCT. Bên cạnh đó, KTNB TCT cũng phải chú trọng hơn đến các phương pháp tiến hành kiểm toán, ngoài việc kiểm tra, xem xét, đối chiếu qua các văn bản, sổ sách giấy tờ còn phải chú trọng thực hiện các phương pháp như quan sát, kiểm kê, xác minh thực tế, tính toán, so sánh và phân tích, dự đoán, dự báo xu hướng... vào công việc để tăng độ chính xác, nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán.

3.3.3.2 Giải pháp hoàn thiện quy trình KTNB

Đối với công tác Chuẩn bị và lập KH KTNB:

Hoàn thiện KH KTNB năm: KH KTNB năm là cơ sở để lập KH KTNB chi tiết, giúp KTV dự tính và tổng hợp về khối lượng công việc cần thực hiện, thời gian hoàn thành và nhân lực cần thiết cho các cuộc KTNB. Về cơ bản, KH KTNB năm của TCT phải được xây dựng đầy đủ với các nội dung: Mục tiêu KTNB, phạm vi KTNB, nội dung KTNB và tiến độ thực hiện, xác định được khối lượng công việc, nhân sự thực hiện và các điều kiện vật chất cơ bản phục vụ công tác KTNB. Để hoàn thiện KH KTNB năm thì cần phải thu thập các thông tin chung về các đơn vị

thành viên trước khi lập KH kiểm toán năm. Từ các nguồn thông tin thu thập được, KTNB sẽ xử lý thông tin, phân tích đánh giá tổng quát tình hình của đơn vị, xác định các vấn đề, nội dung cần phải kiểm tra để đưa vào KH KTNB năm.

Hoàn thiện KH KTNB chi tiết: KH chi tiết là việc cụ thể hoá KH KTNB năm cho từng cuộc kiểm toán để đảm bảo công việc KTNB được thực hiện có hiệu quả và đúng tiến độ. Để hoàn thiện KH KTNB chi tiết thì cần phải: Xác định căn cứ lập KH, xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng và giới hạn của cuộc kiểm toán; Xác định nội dung và phương hướng áp dụng các kỹ thuật kiểm toán; Xác định nhân sự và chi phí thực hiện KTNB. KH KTNB chi tiết càng được lập đầy đủ, chính xác thì hiệu quả công việc càng cao.

Hoàn thiện việc thiết kế chương trình và thủ tục KTNB: Tại TCT việc thiết kế chương trình và các thủ tục KTNB còn chưa gắn kết với điều kiện, đặc điểm thực tế mà vẫn chỉ áp dụng theo các quy định có sẵn. KTNB TCT cần xem xét, nghiên cứu để xây dựng chương trình và thủ tục kiểm toán cụ thể cho từng loại hình kiểm toán, với từng đối tượng kiểm toán. Trước hết nên xây dựng chương trình, thủ tục kiểm toán khung cho từng loại hình, từng đối tượng kiểm toán, trong đó liệt kê nội dung và thứ tự, phương pháp thực hiện công việc cần kiểm tra càng chi tiết càng tốt để đến khi thực hành thì có thể điều chỉnh tùy theo thực tế.

Lựa chọn và phân công nhiệm vụ cho KTV nội bộ: Tùy theo mức độ, khối lượng công việc và thời gian mà KTV trưởng sẽ xác định và lựa chọn số KTV nội bộ có chuyên môn, khả năng và kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện cuộc kiểm toán đ . Nếu cần, KTV trưởng TCT có thể huy động các KTV nội bộ tại các đơn vị thành viên hoặc thuê KTV độc lập để phối hợp thực hiện công việc. Khi giao việc, phải phân công rõ ràng các nội dung phần việc và thời gian phải hoàn thành. Việc lựa chọn đúng người và giao đúng việc sẽ đem lại hiệu quả cho cuộc kiểm toán.

Đối với công tác thực hiện KTNB KTNB TCT hiện vẫn thực hiện kiểm toán nặng tính hình thức trên giấy tờ, sổ sách nên việc kiểm toán không tập trung, khó tìm ra được các sai sót trọng yếu. Để khắc phục, cần phải sử dụng đồng bộ các phương pháp kiểm toán, coi trọng việc thu thập thông tin về đối tượng kiểm toán để có định hướng nhằm tìm ra các sai sót trọng yếu và tiết kiệm thời gian, chi phí. Khi

tiến hành kiểm toán cần kết hợp giữa số liệu trên sổ sách giấy tờ với việc thu thập các bằng chứng, đánh giá mức độ tuân thủ các chính sách, chế độ, quy định nội bộ trong công tác kế toán, tài chính bằng việc quan sát, phỏng vấn và thực nghiệm. Đồng thời phải sử dụng các chỉ tiêu phân tích tài chính, kế toán, phân tích mối quan hệ giữa các kỳ kế toán, giữa các khoản mục kế toán, giữa KH và thực hiện... để phát hiện và tìm hiểu những bất thường, từ đó có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, các KTV nội bộ phải tuân thủ chặt chẽ các thủ tục kiểm toán đã được xây dựng, có sự phối hợp với nhau trong công việc, phải ghi chép đầy đủ, kỹ lưỡng từng bước thực hiện, lập bảng tổng hợp kết quả kiểm toán, ghi chú những nhận xét, nghi ngờ cần phải được kiểm tra lại nhằm tích lũy bằng chứng, nhận định cho những kết luận kiểm toán và loại trừ những ấn tượng, nhận xét ban đầu không chính xác, sau đó các KTV nội bộ sẽ định kỳ thời điểm cùng nhau trao đổi, đánh giá để có thể xác định được chính xác vấn đề tồn tại cần quan tâm và có những điều chỉnh công việc thích hợp.

Đối với công tác lập báo cáo kiểm toán Để lập được báo cáo kiểm toán tốt, mỗi KTV nội bộ đều phải lập báo cáo cụ thể cho từng phần hành mà mình tham gia kiểm toán, sau đó sẽ cùng hợp tổng hợp lại thành một báo cáo kiểm toán đầy đủ. Nội dung của báo cáo kiểm toán phải bao gồm đầy đủ các thông tin và số liệu theo mẫu quy định chung, và có phần phân tích rõ những điểm cần lưu ý ở từng đơn vị. Phần giải thích số liệu phải rõ ràng, có những bằng chứng cụ thể để xác minh, nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sai sót, vi phạm từ đó có những kiến nghị cụ thể để chấn chỉnh và hoàn thiện hệ thống kế toán ở đơn vị được kiểm toán. Mọi kết luận trong Báo cáo KTNB phải được chứng minh bằng các bằng chứng xác đáng theo yêu cầu, quy định và chuẩn mực kiểm toán.

Đối với công tác kiểm tra sau KTNB Tùy theo tính chất và kết quả của mỗi cuộc kiểm toán, KTV nội bộ nên xác định thời gian và những vấn đề chủ yếu cần phải kiểm tra lại đối với đơn vị được kiểm toán, thông báo rõ thời gian sẽ quay lại kiểm tra và trực tiếp đến kiểm tra hoặc yêu cầu đơn vị đó gửi báo cáo để theo dõi sự tuân thủ, sửa chữa các vi phạm theo kiến nghị của KTV. Qua quá trình kiểm tra, nếu

đánh giá thấy đơn vị đó thực hiện chưa nghiêm túc thì cần phải có những kiến nghị, biện pháp cụ thể hơn trình TGD để đôn đốc các đơn vị này thực hiện.

Hoàn thiện công tác lưu trữ hồ sơ kiểm toán KTNB TCT phải chú trọng hơn nữa việc lập và lưu trữ hồ sơ kiểm toán. KTV nội bộ phải thu thập và lưu trong hồ sơ kiểm toán mọi tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến cuộc kiểm toán đủ để làm cơ sở cho việc hình thành ý kiến kiểm toán của mình và chứng minh rằng cuộc kiểm toán đã được thực hiện theo đúng các Chuẩn mực kiểm toán VN. Hồ sơ kiểm toán phải đầy đủ và chi tiết, được lưu trữ theo nguyên tắc trật tự để có thể dễ dàng khi tìm, nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn, bí mật. Hồ sơ KTNB cần được lưu trữ thành hai loại: Hồ sơ KTNB chung và hồ sơ KTNB năm.

3.3.4 Các giải pháp khác

Bộ phận KTNB TCT sẽ hoạt động hiệu quả hơn nếu được các cá nhân, các đơn vị thành viên trong TCT hợp tác tốt. Điều đó đảm bảo cho quá trình tiến hành kiểm toán được thuận lợi, đầy đủ và chính xác hơn, các kiến nghị của KTV nội bộ được coi trọng hơn và có tác dụng thực tiễn hơn. Ngoài ra, KTNB TCT cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ hơn với các đơn vị kiểm toán độc lập bên ngoài để học hỏi các phương pháp, quy trình kiểm toán hiệu quả của kiểm toán độc lập, nhận các báo cáo kiểm toán độc lập để nắm rõ tình hình thực tế của đơn vị được kiểm toán; ngược lại kiểm toán độc lập có thể tiếp cận các số liệu, chứng từ, báo cáo... của KTNB để phục vụ cho công việc kiểm toán của mình. Sự phối hợp này sẽ tránh được sự trùng lặp công việc kiểm toán, hỗ trợ cho các bên khi thực hiện kiểm toán.

3.4 Kiến nghị để thực hiện giải pháp hoàn thiện tổ chức KTNB ở TCT

Kiến nghị với cơ quan Nhà nước: Hệ thống văn bản pháp lý của Nhà nước quy định về KTNB hiện nay còn rất sơ sài và đơn giản chỉ mang tính hướng dẫn nên chưa trở thành chỗ dựa cho các DN khi thực hiện. Nhà nước cần phải có sự rà soát, bổ sung và hoàn thiện hơn nữa đối với hệ thống các văn bản quy định về KTNB.

Kiến nghị với các tổ chức nghề nghiệp: Sự phát triển của KTNB là sự tất yếu, và sẽ phát triển mạnh mẽ, do vậy cần có sự phối hợp thực hiện giữa Nhà nước và các tổ chức hội nghề nghiệp để nghiên cứu, xây dựng và bổ sung các nội dung, quy định, chuẩn mực có liên quan đến KTNB nhằm tạo điều kiện củng cố, hoàn

thiện tổ chức KTNB tại các DN. Đồng thời xây dựng chương trình đào tạo, thi tuyển và cấp chứng chỉ KTV nội bộ như là một nghề nghiệp thực sự.

Kiến nghị với bản thân TCT Khoáng sản – TKV: Để KTNB hoạt động hiệu quả và thực sự là công cụ quản lý hữu hiệu, từ HĐQT, Ban Kiểm soát, TGD đến các bộ phận liên quan cần phải quán triệt việc thực hiện các giải pháp nhằm giúp bộ phận KTNB thể hiện được tốt hơn vai trò, vị trí của mình. Coi trọng việc sử dụng các báo cáo kết quả KTNB, chú trọng đến các đề xuất, kiến nghị của KTNB. Hoàn thiện tổ chức KTNB tại TCT là một nhu cầu bức thiết song cũng không thể tiến hành một cách vội vàng mà phải theo một lộ trình nhất định để KTNB hoàn thành các công việc theo từng bước cơ bản từ xây dựng mô hình tổ chức bộ máy KTNB, hoàn thiện quy chế, quy trình KTNB, các mẫu biểu báo cáo và tuyển dụng nhân sự.

KẾT LUẬN

KTNB là một công cụ quản lý hữu hiệu đối với bất cứ DN nào biết tổ chức và tận dụng nó, đặc biệt trước xu thế hội nhập và sự phát triển mạnh của kinh tế thị trường hiện nay. Đối với DN có hoạt động trên quy mô lớn, ngành nghề kinh doanh đa dạng, phức tạp và phân bố rộng như TCT Khoáng sản – TKV thì việc xây dựng một tổ chức KTNB chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu quả càng có vai trò quan trọng để hoạt động quản lý của TCT đạt hiệu quả cao, từ đó đảm bảo các mục tiêu kinh doanh của TCT. Do vậy, việc nghiên cứu Đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức KTNB tại Tổng công ty Khoáng sản – TKV”** có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn đối với bản thân TCT Khoáng sản – TKV và các DN ngành khai khoáng nói chung. Kết hợp giữa cơ sở lý luận và thực tế tại TCT Khoáng sản – TKV, Luận văn đã giải quyết được các vấn đề sau:

1. Luận văn đã hệ thống và làm rõ những lý luận cơ bản về KTNB trong DN;
2. Tóm lược được thực trạng tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV, đưa ra các nhận xét, đánh giá những mặt đã làm được và những vấn đề còn tồn tại trong tổ chức KTNB tại TCT;
3. Lý giải sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức KTNB và đề xuất các nguyên tắc, giải pháp cơ bản và kiến nghị để hoàn thiện tổ chức KTNB tại TCT Khoáng sản – TKV.